

Sử dụng các ứng dụng trên điện thoại thông minh để học từ vựng tiếng Anh dành cho sinh viên không chuyên tại Học viện Hành chính Quốc gia

Vũ Thị Thuý An*

*ThS. Học viện Hành chính Quốc gia

Received: 9/9/2023; Accepted: 14/9/2023; Published: 21/9/2023

Abstract: Learning vocabularies is a main factor to master English. However, teaching and applying vocabularies in some educational institutions have not achieved much effectiveness due to such reasons as the number of students in class, traditional teaching methods, time limitation, lack of students' learning attraction and proficiency. This article refers to the using of mobile applications in learning vocabularies and introduces some most popular applications during process of vocabularies acquisition. This article is also a useful reference source for those who are passionate about teaching and studying English vocabulary in particular and English training in general.

Keywords: English, vocabularies, mobile applications.

1. Đặt vấn đề

Không thể phủ nhận rằng từ vựng đóng vai trò quan trọng trong việc học ngôn ngữ nói chung và học ngoại ngữ nói riêng (Altman, 1990). Từ vựng là yếu tố then chốt trong việc học ngôn ngữ vì vốn từ vựng phong phú là yếu tố cần thiết trong quá trình nâng cao kỹ năng ngôn ngữ của người học. Theo Groot (2000), vốn từ vựng quyết định trình độ đọc, nghe, nói và viết của người học ngôn ngữ. Vai trò này cũng được (Wilkins, 1972) thể hiện rõ “Không có ngữ pháp thì có thể truyền đạt rất ít, không có từ vựng thì không thể truyền đạt được gì”. Điều này không có nghĩa là có thể bỏ qua các khía cạnh khác của ngôn ngữ như âm vị hay ngữ pháp, nhưng có một điều có thể thấy rõ là điều đầu tiên người học ngôn ngữ cần để có thể giao tiếp là từ vựng. Việc đẩy mạnh học từ vựng là mục tiêu được nhấn mạnh trong bất kỳ chương trình đào tạo tiếng Anh nào. Mặc dù việc làm phong phú thêm kiến thức từ vựng là quan trọng, nhưng việc tiếp thu từ vựng lại là một thách thức đối với một số người học ngôn ngữ vì thực tế đây là thành phần lớn nhất và khó quản lý nhất trong việc học ngôn ngữ..

Vì những lý do này, việc học từ vựng là một khía cạnh thiết yếu trong phương pháp học ngoại ngữ. Nếu một người học có vốn từ vựng phong phú thì có thể khiến người khác hiểu mình một cách dễ dàng và mình cũng có thể hiểu được người khác một cách dễ dàng. Có thể kết luận rằng từ vựng là yếu tố nhất định phải có đối với tất cả người học ngôn ngữ.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Học Từ vựng

Laufer (2004) mô tả một từ như một tập hợp các đặc tính hoặc đặc điểm. Do đó, để hiểu một từ nhất định phải bao gồm việc hiểu được: hình thái từ, cấu tạo từ, cú pháp của từ trong một cụm từ và câu, ý nghĩa, mối quan hệ từ vựng của từ với từ (từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa,...), các cách ghép từ phổ biến.

Nation (2001) liệt kê ba khía cạnh chính của việc hiểu một từ: từ loại, ý nghĩa và cách sử dụng. Nói chung, khi học một từ tiếng Anh mới, người học phải phải biết được từ loại, nghĩa và cách sử dụng của nó. Trong ba khía cạnh này thì cách sử dụng là quan trọng nhất nhưng nếu không hiểu rõ về từ loại và ý nghĩa của từ thì người học không thể sử dụng đúng.

Từ vựng là cơ sở để giao tiếp và quan trọng đối với quá trình thành thạo ngôn ngữ, quan trọng như các kỹ năng khác như nghe, nói, đọc và viết. Alqahtani (2015) cho rằng “kiến thức từ vựng thường được xem như một công cụ quan trọng đối với người học ngôn ngữ thứ hai vì vốn từ vựng hạn chế ở người học ngôn ngữ thứ hai cản trở việc giao tiếp thành công”. Bằng cách nắm vững từ vựng, họ có thể truyền tải thông điệp đến người khác mà không có bất kỳ hiểu lầm nào. Hơn nữa, trình độ tiếng Anh của người học còn được đo bằng vốn từ mà họ ghi nhớ được. Khi người học bị hạn chế về vốn từ vựng, họ sẽ gặp khó khăn trong việc cải thiện kỹ năng tiếng Anh của mình.

2.2. Mô hình giảng dạy và học tập ứng dụng công nghệ trên thiết bị di động

Công nghệ di động có lẽ là một cách tiếp cận giáo dục vô cùng phù hợp vì điện thoại thông minh có liên quan đến cả phương pháp học truyền thống và những

phương pháp học sáng tạo hiện đại cũng như phù hợp với các mục tiêu giáo dục chiến lược. Klímová (2017) lập luận rằng các đặc điểm như tính di động, tính cá nhân, tính sẵn có, khả năng thích ứng, tính hữu dụng và tính năng sử dụng khiến thiết bị di động trở thành công cụ học ngôn ngữ lý tưởng. Hơn nữa, số lượng sinh viên (SV) hiện nay sở hữu điện thoại thông minh rất lớn, dẫn đến sự phổ biến rộng rãi của công nghệ di động trong giáo dục, bao gồm cả việc học tiếng Anh. Thiết bị di động đã được điều chỉnh phù hợp với môi trường lớp học truyền thống và ngày càng được người học tiếng Anh sử dụng nhiều hơn. Vì việc tiếp thu từ vựng được coi là một phần không thể thiếu của việc học ngôn ngữ nên các ứng dụng học từ vựng trên thiết bị di động đã trở thành một hình thức học ngôn ngữ trên thiết bị di động phổ biến (Klímová, 2019).

Theo nghiên cứu của Toyoda (2020), khi người học có đủ kiến thức kỹ thuật thì công nghệ có thể có ảnh hưởng tích cực đến tính tự chủ của người học. Bà cũng khẳng định rằng quyền tự chủ chỉ có thể mang tính tích cực khi người học coi công nghệ là một công cụ hữu ích.

Mô hình chấp nhận công nghệ (TAM) do Fred D. Davis (1989) đề xuất và đánh giá ảnh hưởng của bốn biến số đối với việc sử dụng công nghệ trong học tập. Các biến được sử dụng trong mô hình ban đầu là nhận thức tính dễ sử dụng, nhận thức tính hữu ích, thái độ đối với việc sử dụng và ý định sử dụng. Theo đó, ý định sử dụng ứng dụng di động của SV bị ảnh hưởng bởi sự chấp nhận sử dụng ứng dụng. Ngoài ra, một biến nữa cũng được sử dụng trong nghiên cứu này là thiết kế ứng dụng. Vì vậy, ông cho biết việc người học chấp nhận sử dụng ứng dụng di động để học từ vựng bị ảnh hưởng bởi nhận thức về tính hữu ích. Do đó, SV sẽ sử dụng các ứng dụng này trong tương lai nếu họ nhận thấy việc sử dụng các ứng dụng này trong việc học từ vựng là tích cực.

Giảng viên (GV) soạn giáo án cần hiểu được lợi ích của việc sử dụng Công nghệ thông tin và tích hợp vào hoạt động dạy và học tiếng Anh. Mặt khác, điện thoại thông minh được coi là một trong những công cụ công nghệ có thể thúc đẩy động lực học từ vựng tiếng Anh của người học. Điện thoại thông minh được coi là tiện lợi và thú vị khi sử dụng để học từ vựng (Lu, 2008).

3. Đề xuất các ứng dụng học từ vựng tiếng Anh trên điện thoại thông minh được SV yêu thích và sử dụng nhiều nhất.

Làm thế nào để tạo điều kiện cho người học ngôn ngữ tiếp thu được nhiều từ vựng hơn là một chủ đề

thú vị thu hút nhiều nhà nghiên cứu từ trước đến nay. Nhiều phương pháp dạy và học từ vựng khác nhau đã được giới thiệu và triển khai. Trong thời đại công nghệ phát triển như vũ bão này, các công cụ học tập kỹ thuật số dường như là trợ thủ đắc lực cho người học ngôn ngữ. Có thể nhận ra rằng nhiều công cụ kỹ thuật đã được phát triển để thúc đẩy việc học từ vựng và tăng cường khả năng ghi nhớ; rất nhiều các phần mềm, ứng dụng trên điện thoại hỗ trợ dạy-học ngoại ngữ nói chung và từ vựng Tiếng Anh nói riêng, giúp tạo ra những bài giảng đặc sắc, thú vị. Đây là một công cụ tuyệt vời mà GV có thể tận dụng để làm cho lớp học hấp dẫn hơn và SV có cơ hội sử dụng nhiều tiếng Anh hơn. Dưới đây là những ứng dụng thú vị trên điện thoại di động có thể áp dụng trong quá trình giảng dạy và hỗ trợ quá trình tự học cho SV Học viện Hành chính Quốc gia. Tất cả các ứng dụng này đều có thể được tìm thấy và cài đặt dễ dàng trên điện thoại thông minh.

3.1. Quizlet

Quizlet là một trong những ứng dụng được sử dụng phổ biến nhất và được đánh giá là có hiệu quả cao đối với người học ngôn ngữ ở các nhóm tuổi khác nhau. Công cụ này vô cùng tiện lợi cho GV trong việc soạn bài, GV có thể chỉ cần chuẩn bị các từ mục tiêu để nhập và chọn nghĩa cũng như hình ảnh do Quizlet gợi ý. Liên kết đến các bài học có thể dễ dàng được sao chép và gửi cho người SV để họ có thể tham gia. GV cũng có thể chia sẻ các bài học do mình thiết kế và sử dụng các bài học có sẵn trên hệ thống Quizlet. Đặc biệt, Quizlet kết hợp một số chế độ học để giúp học sinh nắm vững từ, bao gồm Thẻ ghi nhớ, Học từ, Nói từ, Viết và Kiểm tra. Đặc biệt, âm thanh phát âm các từ khi nghe sẽ được tự động đính kèm. Quizlet dường như rất toàn diện và có tiềm năng cao trong việc nâng cao hiệu quả của quá trình học từ vựng.

Đối với điện thoại thông minh ứng dụng cung cấp các chức năng sau:

- *Thẻ ghi nhớ*: thẻ ghi nhớ hiện thị các thuật ngữ trong đó học sinh có thể lật thẻ bằng cách nhấp chuột hoặc chạm vào màn hình để hiển thị định nghĩa hoặc hình ảnh giải thích thuật ngữ đó.

- *Học từ*: các từ và ý nghĩa của từ thể được học thông qua các câu hỏi trắc nghiệm và viết. Các câu hỏi được sắp xếp từ dễ đến khó.

- *Nói từ*: một trò chơi trong đó người chơi được yêu cầu ghép các thuật ngữ với định nghĩa của từ hoặc các hình ảnh tương ứng càng nhanh càng tốt.

- *Viết*: yêu cầu người học viết định nghĩa cho thuật ngữ hoặc hình ảnh được hiển thị trên màn hình. Nếu

làm sai người học có thể làm lại.

- *Kiểm tra*: một bài kiểm tra bao gồm bốn loại câu hỏi: viết, trắc nghiệm, ghép hình và trả lời Đúng hoặc Sai. Các câu hỏi được xây dựng dựa trên bộ từ vựng đã học. Có thể kiểm tra được điểm số và đáp án cho những câu trả lời sai sau khi làm bài.

3.2. Duolingo

Duolingo là ứng dụng cho phép người dùng thực hành từ vựng, ngữ pháp và cách phát âm bằng cách lặp lại. Các bài tập bao gồm dịch, đọc hiểu và nói, và truyện ngắn. Một số bài học được thiết kế dưới hình thức người học phải hoàn thành trước khi có thể chuyển sang bài học tiếp theo. Các bài học có xu hướng thiết kế nội dung về từ vựng hoặc ngữ pháp. Mỗi đơn vị bài học bao gồm một tập hợp các hoạt động được sắp xếp theo trình tự thời gian với một loạt các kỹ năng liên quan, dựa trên kiến thức về từ vựng và ngữ pháp và bao gồm sáu cấp độ. Khi người học hoàn thành một bài học hoặc một bài kiểm tra sẽ được thưởng điểm kinh nghiệm. Người học cũng được kiểm tra lại kiến thức trong các bài học sau vì các bài học sau sẽ nhắc lại những từ đã học trước đó và người học có thể áp dụng các từ này vào các câu mới. Các bài học bao gồm ghép từ, dịch, nói và trắc nghiệm.

3.3. Memrise

Các bài học *Memrise* xen kẽ giữa tám loại hình khác nhau:

- *Học từ mới*: dạng bài này bắt đầu bằng video người bản xứ nói một từ. Người học phải lắng nghe và ghép từ. Tiếp theo, bản dịch tiếng Anh được hiển thị. Tại đây, người học có thể tạo meme hoặc thêm nó vào danh mục “từ khó”. Việc này được lặp lại đối với những từ mới và tạo thành bài học hoàn chỉnh.

- *Ôn tập*: bao gồm một vài hoạt động thực hành và không giới thiệu bất kỳ nội dung mới nào. Người học có cơ hội để thực hành đọc, viết và nghe từ.

- *Kiểm tra nhanh*: bài kiểm tra trắc nghiệm có tốc độ nhanh sử dụng các từ và cụm từ mà người học đã học. Trong phần này, người học phải trả lời câu hỏi càng nhanh càng tốt, trả lời càng nhanh càng nhận được nhiều điểm.

- *Từ khó*: tổng hợp các từ mà ứng dụng xác định là đặc biệt khó đối với người học và những từ mà bản thân người học cũng nhận thấy là khó.

- *Kỹ năng nghe*: phần kỹ năng nghe bao gồm một số hoạt động ôn tập nghe khác nhau. Người học nhận được điểm dựa trên số lần làm đúng, người học được luyện tập thoải mái và không bị giới hạn thời gian.

- *Học với người bản xứ*: một loạt các bài tập đơn giản có kèm video người bản xứ nói các từ và cụm

từ. Người học nhận được điểm dựa trên số câu trả lời đúng, bài tập này không giới hạn về thời gian.

- *Trò chuyện tự động*: phương pháp khá thú vị thú vị khi người học muốn tập trung tương tác.

3.4. Lingo Play

Khi mở ứng dụng, người học sẽ khám phá trang chủ của mình với bản tóm tắt hồ sơ của mình. Ứng dụng bao gồm: *Trò chơi trực tuyến* (người học mời bạn bè và tham gia trò chơi khi cùng nhau học ngoại ngữ), *Giải đấu* (người học tham gia các giải đấu với những người chơi trên khắp thế giới), *Xếp hạng & Giải thưởng* (người học tham gia trong các cuộc thi xếp hạng và giành giải), *Bài học* (người học khám phá hàng ngàn từ và cụm từ mới), *Cập nhật từ* (người học cập nhật vốn từ vựng của mình).

4. Kết luận

Điện thoại thông minh ngày càng trở nên phổ biến và tiện dụng, các ứng dụng trên điện thoại luôn sẵn có. Việc sử dụng các ứng dụng trên điện thoại giúp cho SV có một công cụ học tập bớt nhàm chán hơn so với phương pháp học truyền thống trước đây, là một trong những phương pháp hiệu quả giúp thúc đẩy hứng thú học tập của SV. Việc học từ thông qua các ứng dụng này cũng khiến cho SV hào hứng hơn với các bài học trên lớp đồng thời giúp người học nâng cao vốn từ vựng của mình từ cơ bản đến nâng cao. Hy vọng bài viết sẽ mang lại hiệu quả cho việc ứng dụng các công cụ hỗ trợ dạy và học từ vựng tiếng Anh nói chung và các ngôn ngữ khác nói riêng.

Tài liệu tham khảo

1. Alqahtani, M. (2015). *The importance of vocabulary in language learning and how to be taught*. International Journal of Teaching and Education, vol. 3, no. 3, pp. 21-24.
2. Atman, G. (1990). *Cognitive models of speech processing: An introduction*. MIT Press.
3. Davis, F. D., Bagozzi, R. P., & Warshaw, P. R. (1989). User acceptance of computer technology: A comparison of two theoretical models. *Management Science*, 35(8), 982- 1003.
4. Groot, P. J. M., (2000). *Computer assisted second language vocabulary acquisition*. Language Learning & Technology, vol.4, no.1, pp. 56-76.
5. Klímová, B. (2017). Mobile phones and/or smartphones and their apps for teaching English as a foreign language. *Education and Information Technologies*, 23, 1091- 1099.
6. Laufer, B., & Goldstein, Z. (2004). Testing vocabulary knowledge: Size, strength, and computer adaptiveness. *Language Testing*, 54, 399-436.